



DOI:10.22144/ctu.jvn.2023.084

SỨC KHỎE TÀI CHÍNH CỦA GIỚI TRẺ TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI: VAI TRÒ CỦA THẢO LUẬN TÀI CHÍNH, HIỂU BIẾT TÀI CHÍNH VÀ Ý THỨC TÀI CHÍNH

Nguyễn Văn Hà* và Trương Hoàng Nam

Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Văn Hà (email: ha.nguyen@ftu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 06/10/2022

Ngày nhận bài sửa: 27/11/2022

Ngày duyệt đăng: 30/01/2023

Title:

Financial well-being of young adults in Hanoi: The roles of financial discussion, financial literacy and attitude towards money

Từ khóa:

Hiểu biết tài chính, sức khỏe tài chính, thảo luận tài chính, ý thức tài chính

Keywords:

Attitude towards money, financial discussion, financial literacy, financial well-being

ABSTRACT

Financial well-being plays a fundamental role in developing and maintaining life quality both physically and mentally. Nurturing healthy financial well-being for the young generation becomes even more crucial when this is the primary resource for society's development. This study aims to assess the impact of financial discussion, financial literacy and attitude towards money on the financial well-being of young adults in Hanoi. Using a research sample of 219 observations and the OLS regression model, the study shows that financial discussion and attitude towards money positively and significantly impact young adults' financial well-being, while the effect of financial literacy is insignificant. The research findings offer important implications to further improve the financial well-being of young adults.

TÓM TẮT

Sức khỏe tài chính đóng vai trò nền tảng trong việc xây dựng và duy trì chất lượng cuộc sống về cả thể chất lẫn tinh thần. Việc nuôi dưỡng sức khỏe tài chính lành mạnh cho thế hệ trẻ lại càng trở nên đặc biệt quan trọng khi đây chính là nguồn lực chính cho sự phát triển của toàn xã hội. Mục tiêu của bài viết là đánh giá vai trò của thảo luận tài chính, hiểu biết tài chính và ý thức tài chính đối với sức khỏe tài chính của giới trẻ trên địa bàn Hà Nội. Dữ liệu nghiên cứu gồm 219 mẫu quan sát và mô hình hồi quy OLS. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng thảo luận tài chính và ý thức tài chính ảnh hưởng tích cực và đáng kể tới sức khỏe tài chính của giới trẻ, trong khi tác động của hiểu biết tài chính là không đáng kể. Kết quả nghiên cứu gợi mở một số hàm ý quan trọng nhằm nâng cao hơn nữa sức khỏe tài chính cho giới trẻ.

1. GIỚI THIỆU

Cuộc sống của mỗi cá nhân hiện nay đang phải đối diện với các nguy cơ rủi ro đến từ dịch bệnh, thiên tai, bất ổn chính trị quốc tế. Sự bất ổn trong cuộc sống khẳng định vai trò quan trọng của việc quản lý tài chính cá nhân để đảm bảo sức khỏe tài chính và nâng cao chất lượng cuộc sống. Trên thực tế, sức khỏe tài chính ngày càng ảnh hưởng mạnh

mẽ và sâu rộng đến đời sống của thế hệ trẻ. Các số liệu từ các nghiên cứu gần đây cho thấy sự gia tăng của số lượng người trẻ từ 18 đến 29 tuổi gặp khó khăn về tài chính (Williams & Oumlil, 2015; Brügggen et al., 2017). Nguyên nhân có thể kể đến là đối tượng này chịu nhiều rủi ro từ các hành vi tín dụng không an toàn, tiêu dùng quá mức (Gutter & Copur, 2011), sự thiếu kiến thức và kinh nghiệm về các vấn đề quản lý tài chính cá nhân (Ergün, 2018).

Ngoài ra, áp lực về tài chính sẽ gia tăng đối với giới trẻ khi nhóm đối tượng này phải chịu sức ép từ chi phí giáo dục cao, sự bấp bênh về cơ hội việc làm và gánh nặng trả nợ lớn (Elliott & Lewis, 2015).

Nhiều tác giả trên thế giới đã nghiên cứu về các nhân tố tác động đến sức khỏe tài chính nhưng các nghiên cứu này chủ yếu được tiến hành ở các nước phát triển có nền giáo dục tiên tiến như Mỹ, Canada và Australia (She et al., 2022), nơi mà giới trẻ có cơ hội tiếp cận các sản phẩm tài chính từ rất sớm. Trong khi đó, chủ đề về sức khỏe tài chính cá nhân ở Việt Nam mới bắt đầu được quan tâm trong thời gian gần đây và các bằng chứng thực nghiệm về sức khỏe tài chính của giới trẻ ở Việt Nam còn rất ít ỏi. Thanh niên Việt Nam hiện chiếm khoảng 22,5% dân số và khoảng 36% lực lượng lao động của cả nước (Ban Kinh tế Trung ương, 2022). Nhóm dân số này được coi là nguồn lực vàng cho sự phát triển trong tương lai của đất nước. Tuy nhiên, so với các nước phát triển, giới trẻ Việt Nam có rất ít trải nghiệm thực tế về quản lý tài chính cá nhân trước khi hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông và hầu như chưa tự chủ tài chính khi học đại học, cao đẳng, vì vậy dễ bị ảnh hưởng tiêu cực trước những biến cố tài chính. Sức khỏe tài chính ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân và là một trong những tiêu chí quan trọng của tăng trưởng kinh tế. Do vậy, việc nâng cao sức khỏe tài chính của giới trẻ có ý nghĩa chiến lược trong việc hiện thực hóa một số Mục tiêu Phát triển Bền vững (Sustainable Development Goals – SDGs) nhằm đảm bảo mỗi người dân có thể tận hưởng hòa bình và thịnh vượng (Bashir & Qureshi, 2022). Trước thực tế đó, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định 149/QĐ-Ttg ngày 22 tháng 01 năm 2020 với một trong những mục tiêu chính là nâng cao năng lực, kiến thức tài chính và kỹ năng quản lý tài chính cá nhân. Do đó, việc tiến hành nghiên cứu về đề tài này là cần thiết để góp phần nâng cao sức khỏe tài chính của giới trẻ Việt Nam. Cụ thể, nghiên cứu này tập trung phân tích vai trò của thảo luận tài chính, hiểu biết tài chính và ý thức tài chính trong việc định hình sức khỏe tài chính của giới trẻ Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát giới trẻ trên địa bàn Hà Nội - thủ đô, trung tâm văn hóa, chính trị, xã hội của cả nước. Trung bình mỗi năm, dân số thành phố Hà Nội tăng khoảng hơn 200.000 người, trong đó có tới hơn 1/3 là dân ngoại tỉnh nhập cư về Thủ đô (VTV, 2016). Do vậy, việc lựa chọn mẫu khảo sát là giới trẻ trên địa bàn Hà Nội được kỳ vọng mang tính đại diện cho giới trẻ Việt Nam.

2. TỔNG QUAN VÀ GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

2.1. Sức khỏe tài chính (financial well-being)

Theo Brüggem et al. (2017), các nghiên cứu trước đây về sức khỏe tài chính cá nhân thể hiện trên hai phương diện: chủ quan và khách quan. Xét từ phương diện chủ quan, sức khỏe tài chính thể hiện qua nhận thức và đánh giá của mỗi cá nhân về tình hình tài chính của mình. Xét từ phương diện khách quan, sức khỏe tài chính thể hiện qua những tiêu chí có thể lượng hoá được như thu nhập cá nhân, khả năng tự chủ về tài chính hay số tiền tiết kiệm nắm giữ. Prawitz et al. (2006) cho rằng việc đo lường sức khỏe tài chính bằng các tiêu chí khách quan mới chỉ thể hiện được những bề nổi của khái niệm này bởi nhiều cá nhân tuy sở hữu nhiều tài sản, của cải nhưng vẫn cảm thấy bất an về năng lực tài chính của bản thân. Nói cách khác, trong cùng một điều kiện về tiền bạc, mỗi cá nhân sẽ nhận thức sức khỏe tài chính của mình theo những cách khác nhau. Từ đó, Prawitz et al. (2006) cho rằng cách đánh giá theo hướng chủ quan phù hợp và mang tính toàn diện hơn. Đồng thuận với quan điểm này, Brüggem et al. (2017) đưa ra khái niệm về sức khỏe tài chính dựa trên nhận thức chủ quan của mỗi cá nhân như sau: Sức khỏe tài chính cá nhân là nhận thức về khả năng duy trì mức sống kỳ vọng ở hiện tại và trong tương lai cùng với sự tự do về tài chính. Khái niệm này thể hiện rõ hai mốc thời gian là hiện tại và tương lai bởi sức khỏe tài chính có thể biến động và thay đổi liên tục trong dài hạn, chịu tác động của nhiều sự kiện có ảnh hưởng lâu dài như mất việc, ly hôn ... “Mức sống kỳ vọng” trong khái niệm thể hiện hình dung về cuộc sống mà cá nhân muốn hướng đến trong những năm tới, là mục tiêu cho những kế hoạch và quyết định tài chính đã đề ra. Việc thiết lập một mức sống cụ thể sẽ định hình các hành vi và mục tiêu tài chính nhằm đạt được và duy trì mức sống đó. Sau cùng, một cá nhân đạt được sự tự do về tài chính khi họ không cảm thấy căng thẳng và áp lực khi phải đưa ra các lựa chọn về các nhu cầu thiết yếu hay để trang trải chi phí cần thiết, qua đó, thể hiện một khía cạnh quan trọng của sức khỏe tài chính.

2.2. Thảo luận tài chính

Thảo luận tài chính là một khía cạnh cụ thể của khái niệm xã hội hóa tài chính (financial socialization). Theo Danes (1994), xã hội hóa tài chính là quá trình tiếp nhận và phát triển những giá trị, thái độ, chuẩn mực, kiến thức tác động tới việc lập kế hoạch, hành vi thúc đẩy sức khỏe tài chính. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng có rất nhiều nhân tố khác nhau tác động tới quá trình lớn lên của trẻ

như bạn đồng trang lứa, truyền thông, trường học, gia đình, ... Trong đó, bố mẹ chính là nhân tố xã hội hóa quan trọng nhất trong quá trình lớn lên của trẻ, ảnh hưởng mạnh mẽ tới nhận thức ban đầu của trẻ về tiền bạc cũng như những hành vi tác động đến sức khỏe tài chính sau này. Agnew et al. (2018) lựa chọn thảo luận tài chính giữa bố mẹ và con cái ở nhà để đo lường mức độ xã hội hóa tài chính, từ đó đưa ra kết luận rằng tần suất các cuộc thảo luận tài chính có tương quan dương đối với thái độ tài chính của trẻ. Liabile and Thompson (2007) đã nhận định mối quan hệ gia đình là một mạng lưới được hình thành bởi sự gắn kết lâu dài về cảm xúc, biểu hiện tâm lý và các hành vi kết nối con người với nhau theo thời gian và không gian. Moschis (1985) đã khẳng định vai trò của giao tiếp trong gia đình đối với việc thức dậy quá trình tìm hiểu về tài chính ở trẻ. Mugenda et al. (1990) đã chỉ ra đặc điểm về tính cách trong gia đình ảnh hưởng đến khuôn mẫu trong giao tiếp về tài chính để từ đó tác động tới hành vi tài chính. Gần đây nhiều nghiên cứu đã so sánh tác động của bố mẹ với tác động của các chương trình giáo dục trong việc nâng cao năng lực tài chính cho giới trẻ. Tác động từ bố mẹ được cho là gấp 1,5 lần so với giáo dục tài chính và gấp 2 lần so với tác động từ bạn bè (Shim et al., 2010). Bên cạnh đó, Van Campenhout (2015) cũng đã khẳng định rằng hiệu quả của các chương trình giáo dục tài chính phải được hỗ trợ bởi sự tham gia từ bố mẹ.

2.3. Hiểu biết tài chính (Financial literacy)

Theo Lusardi and Mitchell (2014), hiểu biết tài chính là khả năng tiếp nhận các thông tin tài chính và đưa ra các quyết định thông minh về lập kế hoạch tài chính, tích lũy tài sản, quản lý nợ và kế hoạch nghỉ hưu. Khái niệm này nhấn mạnh đến việc hướng tới các mục tiêu tài chính dài hạn, thể hiện qua các hành vi cụ thể như lập kế hoạch, tiết kiệm, quản lý rủi ro... do vậy thể hiện đầy đủ các khía cạnh về thời gian trong việc thiết lập các mục tiêu tài chính bởi một sức khỏe tài chính lành mạnh cần phải được thể hiện trong cả hiện tại và tương lai.

Hiểu biết tài chính là một thước đo quan trọng để đánh giá khả năng nắm bắt thông tin về các thị trường, các công cụ tài chính cũng như năng lực xử lý thông tin để đưa ra quyết định. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu đã thể hiện sự lo ngại đối với mức độ hiểu biết tài chính ở mức thấp của người trẻ như hiện nay. Lusardi et al. (2010) cho thấy trong 7138 người trẻ thì chỉ có 27% có kiến thức về lạm phát, đa dạng hóa rủi ro và có thể tính toán lãi suất cơ bản. Ergün (2018) đánh giá mức độ hiểu biết tài chính của các sinh viên đại học từ tám nước châu Âu và

kết luận rằng sinh viên tại đây có kiến thức tài chính ở mức trung bình.

2.4. Ý thức tài chính (Attitude towards money)

Với quan điểm tiền là phương tiện lưu giữ giá trị qua thời gian, Utkarsh et al. (2020) cho rằng ý thức tài chính là khuynh hướng của một cá nhân có sự chuẩn bị về mặt tài chính cho tương lai, phản ánh xu hướng tiết kiệm tiền và quản lý chi tiêu. Nghiên cứu về tầm quan trọng của ý thức tài chính với giới trẻ là cần thiết bởi đây là giai đoạn chuyển giao từ phụ thuộc sang độc lập về tài chính, đối mặt với những sự không chắc chắn về tài chính trong tương lai.

Nghiên cứu đánh giá tác động của ý thức tài chính đối với tình trạng sức khỏe tài chính cá nhân chưa có nhiều. Tuy nhiên, một số ít nghiên cứu đã chỉ ra vai trò của ý thức tài chính trong việc hình thành các hành vi liên quan tới tiết kiệm và quản lý nguồn lực tài chính. Nghiên cứu của Von Stumm et al. (2013) chỉ ra mối tương quan giữa việc nhìn nhận tiền là phương tiện để đảm bảo cuộc sống trong tương lai với khả năng của một cá nhân trong việc đưa ra các quyết định tài chính phù hợp. Đặc biệt, nghiên cứu thu được kết quả trái ngược nếu cá nhân xem tiền là phương tiện để thể hiện quyền lực, tức khi đó xác suất người đó gặp rủi ro về tài chính sẽ cao hơn. Shim et al. (2009) nghiên cứu 781 người trẻ tại Mỹ đã chứng minh rằng có mối tương quan giữa thái độ tài chính đối với ý định hành vi tài chính của trẻ. Tuy nhiên, các những kết luận thu được về mối quan hệ giữa ý thức tài chính và sức khỏe tài chính vẫn còn ít và chưa rõ ràng. Do đó, nghiên cứu nhiều hơn về vai trò của nhân tố này đối với sức khỏe tài chính của giới trẻ là cần thiết.

2.5. Các giả thuyết nghiên cứu

Quá trình nhận thức của mỗi cá nhân từ khi còn nhỏ chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi sự tương tác, trao đổi, thảo luận đến từ giáo dục, bạn đồng trang lứa, thầy cô, ... và đặc biệt là bố mẹ. Trên thực tế, việc nâng cao kiến thức tài chính từ các chương trình giáo dục của nhà trường không bảo đảm cho việc hình thành các hành vi tài chính có trách nhiệm (Tang et al., 2015), từ đó tác động không đáng kể tới khả năng đạt được sự ổn định về tài chính cá nhân sau này. Shim et al. (2009) và Van Campenhout (2015) cho rằng các chương trình giáo dục cần kết hợp sự tham gia của bố mẹ để đạt được mục tiêu tạo ra những người tiêu dùng thích nghi tốt với tình hình tài chính nhiều biến động thông qua cách tiếp cận về tâm lý của trẻ.

Nhiều nghiên cứu khẳng định vai trò của bố mẹ trong việc cải thiện sức khỏe tài chính sau này thông qua việc giới thiệu và khuyến khích trẻ sử dụng các công cụ tài chính từ nhỏ. Norvilitis and MacLean (2010) khẳng định giáo dục từ gia đình ảnh hưởng tích cực tới tình hình vay nợ thẻ tín dụng của sinh viên. Trẻ được dạy cách quản lý tiền ngay từ nhỏ thông qua các thói quen như dự phòng, quản lý tài khoản tiết kiệm sẽ có xu hướng không chịu áp lực từ việc trả nợ trong thẻ tín dụng. Hira et al. (2013) chứng minh rằng việc cho trẻ tham gia đầu tư sớm tác động tích cực đến việc ra quyết định tài chính của trẻ sau này. Tương tự, Tang et al. (2015) cũng chỉ ra vai trò quan trọng của cha mẹ trong việc hình thành hành vi tài chính có trách nhiệm của con cái. Việc cha mẹ khuyến khích trẻ thực hành tích lũy tài chính sẽ giúp trẻ hình thành khả năng kiểm soát chi tiêu, đặt sự ưu tiên cho việc tiết kiệm sau này (Webley et al., 2013; Otto, 2013).

Dựa vào những lập luận trên, nghiên cứu này dự đoán rằng việc thảo luận về tài chính với bố mẹ ngay từ nhỏ sẽ tạo cơ hội cho trẻ hình thành những hành vi tài chính phù hợp, do vậy tác động tích cực tới sức khỏe tài chính. Điều này được giải thích bởi việc thảo luận tài chính với bố mẹ giúp trẻ tích lũy kiến thức, kỹ năng về tài chính thông qua trao đổi, quan sát và học tập, góp phần cải thiện sức khỏe tài chính khi trẻ trưởng thành. Do đó, giả thuyết đầu tiên được đề xuất như sau:

H1: Thảo luận tài chính có tác động thuận chiều đến sức khỏe tài chính cá nhân.

Hiểu biết tài chính có thể tác động đến sức khỏe tài chính cá nhân vì hiểu biết tài chính chi phối hành vi tài chính (Gutter and Copur, 2011). Hiểu biết tài chính giúp mỗi cá nhân khi phải đương đầu với các tình huống phức tạp có thể đưa ra các quyết định tài chính tối ưu hơn, nhờ đó nâng cao sức khỏe tài chính cá nhân. Chẳng hạn, một cá nhân với hiểu biết tốt về tài chính có thể tự tin trong quyết định có nên mua nhà trả góp hay không vì cá nhân đó hiểu và phân biệt được các loại lãi suất cũng như lạm phát để phân tích, đánh giá và đưa ra quyết định phù hợp. Một số nghiên cứu trước đây chỉ ra mối quan hệ giữa mức độ hiểu biết tài chính của một cá nhân và mức độ cá nhân đó tham gia vào thị trường tài chính. (Van Rooij, 2012). Tương tự, Christelis (2010) phân tích tác động của khả năng về toán học, ghi nhớ hay trình bày lưu loát của mỗi cá nhân tới việc sở hữu cổ phiếu. Huston (2012) tìm hiểu mối quan hệ giữa hiểu biết tài chính và chi phí đi vay thông qua thẻ tín dụng và vay thế chấp của người tiêu dùng Mỹ và chứng minh rằng khả năng những người có kiến

thức tài chính có cơ hội tiếp cận các khoản vay với chi phí thấp cao gấp hai lần so với những người thiếu kiến thức tài chính. Philippas and Avdoulas (2020) cho thấy hiểu biết tài chính là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sức khỏe tài chính của sinh viên ở Ai Cập. Do vậy, nghiên cứu này đề xuất giả thuyết tiếp theo như sau:

H2: Hiểu biết tài chính có tác động thuận chiều đến sức khỏe tài chính cá nhân.

Ý thức tài chính phản ánh xu hướng quản lý chi tiêu và tiết kiệm của mỗi cá nhân nhằm chuẩn bị tài chính cho tương lai (Utkarsh et al., 2020). Giai đoạn tuổi trẻ của mỗi cá nhân là giai đoạn mấu chốt của quá trình chuyển đổi sang trạng thái độc lập về tài chính. Do vậy, mỗi cá nhân với ý thức tài chính tích cực sẽ có sự chủ động và tự tin trong việc xử lý các bất ổn về tài chính trong tương lai, qua đó góp phần nâng cao sức khỏe tài chính cá nhân. Kế thừa kết quả của những nghiên cứu trước đây (Shim et al., 2009; Von Stumm et al.; 2013), nghiên cứu này dự đoán rằng việc một cá nhân có ý thức tài chính thể hiện ở việc người đó có cách nhìn đúng đắn về vai trò của tiền trong việc mang lại những thay đổi tích cực cho sức khỏe tài chính. Do vậy, giả thuyết cuối cùng được đưa ra là:

H3: Ý thức tài chính có tác động thuận chiều đến sức khỏe tài chính cá nhân.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để kiểm định ba giả thuyết nêu trên, bài viết dựa vào các nghiên cứu đi trước trong việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sức khỏe tài chính cá nhân. Thảo luận tài chính, hiểu biết tài chính và ý thức tài chính chi phối việc lập kế hoạch tài chính và các hành vi nâng cao sức khỏe tài chính (Gudmunson & Danes, 2011; Ergun, 2018; Shim et al., 2009). Ngoài ra, kế thừa nghiên cứu của Lusardi et al. (2010), các đặc điểm nhân khẩu học như giới tính, độ tuổi, số lượng thành viên trong gia đình, kinh nghiệm làm việc, thu nhập của bố mẹ và sự độc lập về tài chính được sử dụng như những biến kiểm soát khi đánh giá vai trò của thảo luận tài chính, hiểu biết tài chính và ý thức tài chính đối với sức khỏe tài chính.

Các câu hỏi được lựa chọn từ những nghiên cứu tin cậy đã được sử dụng làm thang đo trong nhiều nghiên cứu trước đó và được dịch nghĩa từ tiếng Anh sang tiếng Việt sao cho ngôn từ và cách diễn đạt trở nên mạch lạc, dễ hiểu, đảm bảo người tham gia khảo sát hiểu đúng nội dung câu hỏi. Một số câu hỏi được điều chỉnh lại để phù hợp với thực trạng về văn hóa, xã hội, lối sống của người dân Việt Nam. Bên cạnh đó, các tác giả tiến hành tham vấn ý kiến của các

chuyên gia trong lĩnh vực này là những nhà nghiên cứu thuộc trường đại học uy tín ở Việt Nam nhằm đánh giá và đưa ra các nhận xét để hoàn thiện bộ câu hỏi. Sau khi hoàn thiện bảng hỏi với nội dung được trình bày rõ ràng, dễ hiểu, nhóm tác giả thực hiện thu thập dữ liệu cho nghiên cứu chính thức. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp lấy mẫu thuận tiện với đối tượng khảo sát hoàn toàn tự nguyện là các bạn trẻ trên địa bàn Hà Nội, bao gồm các sinh viên của các trường đại học và người đi làm. Nhóm tác giả tiến hành thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua mẫu hỏi được thực hiện trên Google Form, bao gồm các câu hỏi về thảo luận tài chính, hiểu biết tài chính, ý thức tài chính, sức khỏe tài chính và các câu

hỏi về nhân khẩu học. Bảng hỏi và thang đo phục vụ cho nghiên cứu được thiết kế dựa trên các nghiên cứu đi trước.

Sức khỏe tài chính được đo lường dựa trên thang đo trình bày trong báo cáo của CFPB năm 2015 bởi sự phù hợp của câu hỏi đối với định nghĩa về sức khỏe tài chính cá nhân của Brüggem et al. (2017) và phù hợp với giới trẻ Việt Nam. Bảng 1 thể hiện thang đo gồm 10 câu hỏi về việc đánh giá khả năng tài chính hiện tại và trong tương lai. Các nhận xét được đánh giá trên thang đo 5 mức độ với 1 = hoàn toàn không đồng ý, 5 = hoàn toàn đồng ý.

Bảng 1. Thang đo biến Sức khỏe tài chính cá nhân

FWB1	Tôi có thể trang trải được một khoản chi tiêu lớn bất thường lên đến 50 triệu đồng
FWB2	Tôi có thể đảm bảo được các vấn đề tài chính của mình trong tương lai.
FWB3	Vì tình hình tài chính eo hẹp nên tôi có cảm giác rằng tôi không bao giờ có được thứ mình muốn*
FWB4	Tôi hài lòng với cuộc sống của mình vì biết cách quản lý tiền bạc
FWB5	Số tiền tôi có chỉ đủ sống*
FWB6	Tôi lo lắng rằng số tiền tôi có và tiết kiệm được sẽ sớm cạn kiệt*
FWB7	Tôi gặp áp lực tài chính nếu tháng đó tôi đi dự tiệc cưới, hoặc cần mua quà tặng người khác hoặc đi ăn ngoài nhiều*
FWB8	Tôi vẫn còn dư tiền vào cuối mỗi tháng
FWB9	Tôi thường chậm trễ trong việc chi trả các nghĩa vụ tài chính*
FWB10	Tôi phải bươn chải để kiếm sống*

Ghi chú: * thang đo ngược lại, cụ thể: 1 = hoàn toàn đồng ý, 5 = hoàn toàn không đồng ý

Để đánh giá mức độ cá nhân có cơ hội thảo luận tài chính trong gia đình từ nhỏ, người tham gia sẽ trả lời 4 câu hỏi như trong Bảng 2. Thang đo được áp dụng từ nghiên cứu của Shim et al. (2009) và có một

số điều chỉnh để phù hợp với thị trường Việt Nam. Các câu hỏi sẽ được trả lời là “Có” hoặc “Không”, quy đổi thành Có = 1, Không = 0. Tổng điểm của mỗi người sẽ chạy từ 0 đến 4.

Bảng 2. Thang đo biến Thảo luận tài chính

FS1	Khi bạn còn nhỏ, bố mẹ có nói với bạn về tầm quan trọng của các khoản tiết kiệm không?
FS2	Khi bạn còn nhỏ, bố mẹ có nói với bạn về kế hoạch chi tiêu của gia đình không?
FS3	Khi bạn còn nhỏ, bố mẹ có hướng dẫn bạn về việc chi tiêu khi sống xa gia đình không?
FS4	Khi bạn còn nhỏ, bố mẹ có nói với bạn về việc sử dụng và hoàn trả các khoản vay không?

Hiểu biết tài chính được đo lường thông qua 5 câu hỏi trắc nghiệm về lạm phát, rủi ro, lợi suất, đầu tư và đa dạng hóa, thể hiện ở Bảng 3. Trong đó, 2 câu hỏi về lạm phát và đa dạng hóa dựa trên nghiên

cứ của Lusardi et al. (2010), 3 câu về rủi ro, lợi suất, đầu tư tương tự nghiên cứu của Fernandes et al. (2014). Tổng điểm của mỗi người sẽ chạy từ 0 (tất cả đều sai) cho đến 5 (tất cả đều đúng).

Bảng 3. Thang đo biến Hiểu biết tài chính

OFL1	Hãy tưởng tượng rằng lãi suất trên tài khoản tiết kiệm của bạn là 1% mỗi năm và lạm phát là 2% mỗi năm. Sau 1 năm, với số tiền trong tài khoản, bạn có thể mua: A. Nhiều hơn so với hôm nay B. Bằng so với hôm nay C. Ít hơn so với hôm nay D. Không biết E. Đáp án khác
OFL2	Giả sử bạn có 100 đô la trong tài khoản tiết kiệm và lãi suất là 20% mỗi năm. Sau 5 năm, bạn nghĩ bạn sẽ có bao nhiêu trong tài khoản nếu bạn không rút tiền trong suốt thời hạn trên: A. Nhiều hơn 200 đô la B. Chính xác 200 đô la C. Ít hơn 200 đô la D. Không biết E. Đáp án khác
OFL3	Theo bạn, câu nói sau đây là đúng hay sai: "Mua cổ phiếu của một công ty là an toàn hơn so với việc mua cổ phiếu quỹ tương hỗ"? A. Đúng B. Sai C. Không biết D. Đáp án khác
OFL4	Theo bạn, câu nói sau đây là đúng hay sai: "Trái phiếu thường rủi ro hơn cổ phiếu."? A. Đúng B. Sai C. Không biết D. Đáp án khác
OFL5	Thông thường, giá trị của tài sản nào dưới đây biến động nhiều nhất theo thời gian? A. Tài khoản tiết kiệm B. Cổ phiếu C. Trái phiếu D. Không biết E. Đáp án khác

Kế thừa nghiên cứu của Yamauchi and Templer (1982) và Utkarsh et al. (2020), ý thức tài chính được đo lường thông qua 6 câu hỏi ở Bảng 4. Mỗi câu được đánh giá theo thang đo 6 mức độ với 0 = Hoàn toàn không đồng ý - 6 = Hoàn toàn đồng ý.

Bảng 4. Thang đo biến Ý thức tài chính

ATM1	Tôi lập kế hoạch tài chính cho tương lai
ATM2	Tôi dành khoản tiết kiệm định kỳ cho tương lai
ATM3	Tôi tiết kiệm tiền bây giờ để chuẩn bị cho lúc về già
ATM4	Tôi tiết kiệm tiền để dự phòng cho các chi tiêu bất thường trong tương lai
ATM5	Tôi theo dõi các khoản chi tiêu của mình
ATM6	Tôi tuân theo ngân sách tài chính đã đề ra

Bảng khảo sát trên nền tảng Google Form được gửi qua mạng xã hội. Với 270 phiếu trả lời thu thập được, nhóm tác giả tiến hành loại bỏ 51 phiếu không hợp lệ và thu được mẫu khả dụng gồm 219 phiếu. Số lượng câu hỏi sử dụng trong bài là 31 (trong đó, 10 câu hỏi để đo lường biến Sức khỏe tài chính; 4 câu hỏi để đo lường biến Thảo luận tài chính; 4 câu hỏi để đo lường biến Hiểu biết tài chính; 6 câu hỏi để đo lường biến Ý thức tài chính; và 6 câu hỏi về nhân khẩu học). Dựa theo quy tắc cỡ mẫu tối thiểu phải gấp 5 lần số lượng câu hỏi (Hair et al., 2006), cỡ mẫu tối thiểu yêu cầu trong nghiên cứu này là 155 (=5x31). Như vậy, kích cỡ mẫu khả dụng gồm 219 quan sát là phù hợp với quy tắc này.

Bảng 5. Mô tả thông tin nhân khẩu học của mẫu nghiên cứu

Tiêu chí	Chỉ báo	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Giới tính	Nữ	141	64,38
	Nam	78	35,62
	Tổng	219	100,00
Tuổi	Từ 18 - 22 tuổi	132	60,27
	Từ 23 - 30 tuổi	87	39,73
	Tổng	219	100,00
Số thành viên trong gia đình	1 thành viên	6	2,74
	2 - 3 người	36	16,44
	4 - 5 người	158	72,15
	Nhiều hơn 5 người	19	8,68
	Tổng	219	100,00
Kinh nghiệm làm việc	Không	52	23,74
	Có	167	76,26
	Tổng	219	100,00
Lương của bố /mẹ	Dưới 10 triệu	96	43,84
	Từ 10 - 20 triệu	87	39,73
	Trên 20 triệu	36	16,44
	Tổng	219	100,00
Độc lập về tài chính	Không	111	50,68
	Có	108	49,32
	Tổng	219	100,00

Dữ liệu nghiên cứu được kiểm định thông qua các phương pháp phân tích Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA). Mô hình hồi quy OLS được sử dụng để đánh giá tác động của thảo luận tài chính, hiểu biết tài chính và ý thức tài chính đối với sức khỏe tài chính cá nhân.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Kết quả hệ số Cronbach's Alpha

Nhóm tác giả thực hiện phân tích độ tin cậy của thang đo bằng cách thực hiện phân tích Cronbach's Alpha. Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo ban đầu cho thấy sự không phù hợp của biến quan sát SFL, OFL1, OFL2 và FWB10. Do đó, những biến này đã bị loại khỏi mô hình. Sau khi tiến hành chày lại mô hình thì hệ số tương quan biến - tổng

của tất cả các biến quan sát trong mô hình đều lớn hơn 0,3, đồng thời hệ số Cronbach's Alpha của từng nhóm nhân tố đều lớn hơn 0,8 và nhỏ hơn 0,95. Do đó, có thể kết luận thang đo được sử dụng với những biến quan sát dưới đây là phù hợp.

4.2. Phân tích EFA cho biến độc lập

Sau khi thực hiện kiểm định độ tin cậy của thang đo, nhóm tác giả thực hiện tìm hệ số KMO và kiểm định Bartlett cho mô hình nghiên cứu, thể hiện ở Bảng 6. Kết quả phân tích cho thấy hệ số KMO đạt $0,779 > 0,5$ và tổng phương sai trích của mô hình là $57,204\% > 50\%$, cho thấy dữ liệu phù hợp để phân tích nhân tố. Đồng thời, có thể thấy các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể, thể hiện ở hệ số Sig của kiểm định Bartlett nhỏ hơn 0,5.

Bảng 6. Hệ số KMO và kiểm định Bartlett cho biến độc lập

Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy)		0,779
Kiểm định Bartlett	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	924,746
(Bartlett's Test of Sphericity)	df	78
	Sig.	0,000

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA ở Bảng 7 cho thấy các biến quan sát hội tụ về ba nhóm nhân tố.

Bảng 7. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA với biến độc lập

Biến quan sát	Nhân tố 1	Nhân tố 2	Nhân tố 3
ATM1	0,842		
ATM2	0,813		
ATM4	0,755		
ATM6	0,741		
ATM3	0,729		
ATM5	0,692		
FS3		0,756	
FS4		0,753	
FS2		0,740	
FS1		0,665	
OFL4			0,820
OFL5			0,704
OFL3			0,638

4.3. Phân tích EFA cho biến phụ thuộc

Theo Bảng 8, kết quả phân tích cho thấy hệ số KMO đạt 0,718 > 0,5 và tổng phương sai trích của mô hình là 89% > 50%, cho thấy dữ liệu phù hợp để phân tích nhân tố. Đồng thời, có thể thấy các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể, thể hiện ở hệ số Sig của kiểm định Bartlett nhỏ hơn 0,5.

Bảng 8. Hệ số KMO và kiểm định Bartlett cho biến phụ thuộc

Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy)		0,718
Kiểm định Bartlett (Bartlett's Test of Sphericity)	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ df Sig.	395,165 28 0,000

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA ở Bảng 9 cho thấy biến FWB9 là không phù hợp và được loại khỏi mô hình. Kiểm định được thực hiện lại và cho thấy các biến quan sát hội tụ về một nhóm nhân tố.

Bảng 9. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA với biến phụ thuộc

Biến quan sát	Nhân tố 1
FWB6	0,753
FWB5	0,737
FWB7	0,697
FWB3	0,692
FWB2	0,735
FWB8	0,728
FWB4	0,709
FWB1	0,675

4.4. Ma trận tương quan

Bảng 10 thể hiện mối tương quan giữa các biến số. Ý thức tài chính ($r = 0,309, p < 0,01$) và thảo luận tài chính ($r = 0,181, p < 0,1$) có tương quan dương với sức khỏe tài chính. Các tương quan khác đều không đáng kể. Tất cả các tương quan được đo lường đều dưới 0,6, vì vậy mô hình không có vấn đề về đa cộng tuyến.

Bảng 10. Ma trận hệ số tương quan

	Sức khỏe tài chính	Thảo luận tài chính	Hiểu biết tài chính	Ý thức tài chính
Sức khỏe tài chính	1			
Thảo luận tài chính	0,180**	1		
Hiểu biết tài chính	0,0253	0,0587	1	
Ý thức tài chính	0,309***	0,181**	-0,00642	1

* $p < 0.1$. ** $p < 0.05$. *** $p < 0.01$

4.5. Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Để đánh giá ảnh hưởng của các biến độc lập đối với sức khỏe tài chính, nhóm tác giả thực hiện hai mô hình hồi quy khác nhau. Mô hình 1 đánh giá tác động của biến thảo luận tài chính và hiểu biết tài chính đối với sức khỏe tài chính. Trong mô hình 2, ngoài các biến đã nêu ở mô hình thứ nhất, biến ý thức tài chính được thêm vào mô hình.

Kết quả hồi quy được trình bày ở Bảng 11. Cụ thể, mô hình 1 kiểm định tác động của Hiểu biết tài chính đến Sức khỏe tài chính cá nhân. Kết quả thực nghiệm cho thấy tác động này là không đáng kể. Nói cách khác, kết quả này bác bỏ giả thuyết H1. Mô hình 2 kiểm định tác động của Thảo luận tài chính đến Sức khỏe tài chính cá nhân. Kết quả hồi quy chỉ ra rằng Thảo luận tài chính có tác động tích cực và đáng kể đến Sức khỏe tài chính cá nhân ($b = 0,448, p < 0,05$). Điều này phù hợp với giả thuyết H2. Mô hình 3 phân tích ảnh hưởng của Ý thức tài chính đến Sức khỏe tài chính cá nhân. Có thể thấy, hệ số hồi quy của biến Ý thức tài chính có giá trị dương và có ý nghĩa thống kê ($b = 0,337, p < 0,01$). Kết quả này phù hợp với giả thuyết H3.

Bảng 11. Kết quả hồi quy

Biến	(1) Sức khỏe tài chính	(2) Sức khỏe tài chính	(3) Sức khỏe tài chính	(4) Sức khỏe tài chính
Hiểu biết tài chính	0,007 (0,324)			0,025 (0,319)
Thảo luận tài chính		0,548** (0,233)		0,364 (0,226)
Ý thức tài chính			0,337*** (0,069)	0,319*** (0,072)
Giới tính	0,311 (0,711)	0,407 (0,717)	0,607 (0,687)	0,666 (0,683)
Độ tuổi	2,158*** (0,804)	2,332*** (0,776)	2,595*** (0,757)	2,681*** (0,749)
Số thành viên	-0,659 (0,713)	-0,818 (0,705)	-0,373 (0,707)	-0,490 (0,703)
Kinh nghiệm	1,487* (0,865)	1,435* (0,848)	1,233 (0,866)	1,207 (0,872)
Lương	0,832* (0,471)	0,573 (0,464)	0,775* (0,425)	0,603 (0,431)
Độc lập tài chính	2,357*** (0,713)	2,055*** (0,679)	1,932*** (0,637)	1,759*** (0,646)
Hằng số	20,273*** (2,950)	19,895*** (2,858)	11,131*** (3,382)	11,321*** (3,472)
Số quan sát	219	219	219	219
R-squared	0,213	0,232	0,297	0,306

*** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$, * $p < 0,1$

Ở mô Hình 4, bài viết kiểm định tác động đồng thời của cả ba biến Hiểu biết tài chính, Thảo luận tài chính và Ý thức tài chính đến Sức khỏe tài chính cá nhân. Khi cả ba biến này được đồng thời đưa vào mô hình hồi quy thì chỉ còn duy nhất biết Ý thức tài chính có tác động đáng kể và thuận chiều lên Sức khỏe tài chính, phù hợp với giả thuyết H3. Trong khi đó, hệ số của biến Thảo luận tài chính ở mô hình 2 có ý nghĩa thống kê nhưng lại không còn ý nghĩa thống kê ở mô hình 4. Các kết quả hồi quy ở mô hình 2, 3 và 4 cho thấy Ý thức tài chính có thể đóng vai trò là nhân tố trung gian truyền dẫn tác động của Thảo luận tài chính đến Sức khỏe tài chính. Hay nói cách khác, việc thảo luận tài chính với bố mẹ khi còn nhỏ góp phần hình thành ý thức tài chính tích cực ở mỗi cá nhân, từ đó giúp nâng cao sức khỏe tài chính. Ngoài ra, ở mô hình 4 một lần nữa cho thấy hệ số của biến Thảo luận tài chính vẫn không có ý nghĩa thống kê.

Như vậy, kết quả phân tích thực nghiệm cho thấy Thảo luận tài chính là một biến quan trọng, có ảnh hưởng tích cực đến sức khỏe tài chính của người trẻ. Cụ thể, những người trẻ có cơ hội được bàn luận và trao đổi với bố mẹ về các vấn đề tài chính khi còn

nhỏ thì khi lớn lên sẽ có những quan điểm tích cực về tiết kiệm và chi tiêu. Điều này góp phần đáng kể trong việc cải thiện sức khỏe tài chính trong cuộc sống sau này. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Norvilitis and MacLean (2010), Tang et al. (2015) về vai trò của cha mẹ đối với sức khỏe tài chính của con cái. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng Ý thức tài chính là nhân tố có tác động mạnh đến Sức khỏe tài chính của giới trẻ. Kết luận này tương đồng với nghiên cứu của Shim et al. (2009) khi chỉ ra ý định hành vi, nhân tố phản ánh sức khỏe tài chính, chịu ảnh hưởng bởi ý thức của người trẻ trong các hoạt động tài chính hàng ngày. Hay trong nghiên cứu khác, Von Stumm et al. (2013) cũng nhấn mạnh rằng những cá nhân xem tiền là phương tiện để bảo đảm cuộc sống trong tương lai sẽ có khả năng cao biết cách quản lý nguồn lực của bản thân. Trong một nền kinh tế toàn cầu hóa ngày càng phát triển với sự đa dạng của các công cụ tài chính như hiện nay, người trẻ dễ dàng tiếp cận được các cơ hội để đầu tư và tích lũy tài sản cho tương lai. Cụ thể, số lượng người trẻ tham gia đầu tư chứng khoán, tiền ảo hay các công cụ tài chính khác tăng cao trong những năm gần đây. Bên cạnh đó, trong tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp và nền kinh tế có nhiều bất ổn thì nhu

cầu gia tăng giá trị cho tài sản này lại càng trở nên quan trọng và cần thiết. Điều này góp phần định hướng giới trẻ nhìn nhận vai trò của tiền là phương tiện không chỉ để duy trì cuộc sống ở hiện tại mà còn để tạo dựng sự ổn định và tránh được những biến cố có thể xảy ra trong tương lai, để từ đó ý thức được việc nâng cao năng lực tài chính của bản thân. Tuy nhiên, kết quả hồi quy cho thấy Hiểu biết tài chính ảnh hưởng không đáng kể đến Sức khỏe tài chính. Kết quả này trái ngược với kết quả của Philippas and Avdoulas (2020). Điều này có thể là do hiểu biết tài chính của thanh niên Việt Nam tương đối thấp so với các nước khác, do vậy chưa đóng vai trò chi phối góp phần nâng cao sức khỏe tài chính cá nhân. Dù vậy, việc cải thiện hiểu biết tài chính cho giới trẻ vẫn là một vấn đề cần thiết để xây dựng nền tảng kiến thức cơ bản và dễ dàng hơn trong việc hiểu và tiếp cận được các nguồn thông tin trên thị trường, đặc biệt là đối với quốc gia mà nhiều người dân vẫn chưa tiếp cận được thị trường tài chính một cách đầy đủ.

5. KẾT LUẬN

Kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng thảo luận tài chính và ý thức tài chính là những biến quan trọng, có ảnh hưởng tích cực đến sức khỏe tài chính của giới trẻ, trong khi đó tác động của hiểu biết tài chính là không đáng kể. Hơn nữa, kết quả nghiên cứu gợi mở vai trò của ý thức tài chính như một nhân tố trung gian khi xem xét ảnh hưởng của thảo luận tài chính đối với sức khỏe tài chính cá nhân.

Kết quả nghiên cứu có những đóng góp quan trọng về học thuật và thực tiễn. Về mặt học thuật, nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ vai trò chi phối của thảo luận tài chính và ý thức tài chính đối với sức khỏe tài chính của giới trẻ Việt Nam. Đây là một trong số những nghiên cứu thực nghiệm đầu tiên về chủ đề này tại Việt Nam. Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu gợi mở một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao sức khỏe tài chính cá nhân để hướng tới

mục tiêu thúc đẩy tài chính toàn diện. Một mặt, cần thiết phải xây dựng những chương trình giáo dục và nên đưa ra những chính sách phù hợp nhằm khuyến khích bố mẹ trao đổi với con cái về những vấn đề tài chính như tầm quan trọng của tiết kiệm, thu nhập gia đình, hành vi chi tiêu và sản phẩm tài chính ngay khi còn nhỏ bởi điều này góp phần định hình sức khỏe tài chính cá nhân. Mặt khác, những nhà hoạch định chính sách nên ban hành các chính sách và công cụ tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về lợi ích của việc tiết kiệm tiền, ghi chép, quản lý chi tiêu và hình thành thái độ thận trọng với tiền bạc để góp phần nâng cao ý thức tài chính của giới trẻ, bởi ý thức tài chính là nhân tố quyết định sức khỏe tài chính cá nhân. Sau cùng, các tổ chức giáo dục cần đẩy mạnh xây dựng và phát triển các khóa học về quản lý tài chính cá nhân có thể giúp cải thiện hiểu biết và kỹ năng của những người trẻ tuổi để từ đó tạo cho họ sự tự tin trong việc thực hiện các hành vi tài chính, qua đó cải thiện sức khỏe tài chính cá nhân.

Tuy nhiên, cũng giống như các nghiên cứu thực nghiệm khác, nghiên cứu này vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, nghiên cứu này mới chỉ xem xét đến những đối tượng chủ yếu là người trẻ trên địa bàn Hà Nội và sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận tiện với số mẫu khiêm tốn (219 quan sát khả dụng) và hơn một nửa đối tượng khảo sát trong độ tuổi sinh viên, độ tuổi mà nhìn chung vẫn phụ thuộc một phần vào bố mẹ. Thêm vào đó, nghiên cứu chỉ tập trung đánh giá tác động của ba nhân tố tiêu biểu là Hiểu biết tài chính, Thảo luận tài chính và Ý thức tài chính đến Sức khỏe tài chính, bên cạnh việc kiểm soát tác động của một số nhân tố thuộc về đặc điểm của đối tượng trả lời khảo sát. Dù đạt được tính phù hợp cao, nhưng vẫn có thể có một số nhân tố có khả năng tác động đến Sức khỏe tài chính bị bỏ sót khỏi mô hình nghiên cứu. Những hạn chế này chính là một số gợi mở cho các nghiên cứu trong tương lai về chủ đề này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Agnew, S., Maras, P., & Moon, A. (2018). Gender differences in financial socialization in the home—An exploratory study. *International journal of consumer studies*, 42(3), 275-282. <https://doi.org/10.1111/ijcs.12415>

Ban Kinh tế Trung ương. (2022). Triển khai các hoạt động phát huy sức sáng tạo, sự cống hiến thanh niên Việt Nam. <http://kinhtetrunguoc.vn/web/guest/xa-hoi/trien-khai-cac-hoat-dong-phat-huy-suc-sang-tao-su-cong-hien.html> (truy cập ngày 07/01/2023).

Bashir, I., & Qureshi, I. H. (2022). *A systematic literature review on Personal financial well-*

being: the link to key sustainable development goals 2030. FIIB Business Review. <https://doi.org/10.1177/23197145221106862>.

Brüggen, E. C., Högrevé, J., Holmlund, M., Kabadayi, S., & Löfgren, M. (2017). Financial well-being: A conceptualization and research agenda. *Journal of Business Research*, 79, 228-237. <https://doi.org/10.1016/j.jbusres.2017.03.013>

CFPB. (2015). *Measuring financial well-being: A guide to using the CFPB financial well-being scale*. Washington, DC: Consumer Financial Protection Bureau.

- Christelis, D., Jappelli, T., & Padula, M. (2010). Cognitive abilities and portfolio choice. *European Economic Review*, 54(1), 18-38. <https://doi.org/10.1016/j.eurocorev.2009.04.001>
- Danes, S. M. (1994). Parental perceptions of children's financial socialization. *Journal of Financial Counseling and Planning*, 5, 127-149.
- Elliott, W. & Lewis, M. (2015). Student debt effects on financial well-being: Research and policy implications. *Journal of Economic Surveys*, 29(4), 614-636. <https://doi.org/10.1111/joes.12124>
- Ergün, K. (2018). Financial literacy among university students: A study in eight European countries. *International journal of consumer studies*, 42(1), 2-15. <https://doi.org/10.1111/ijcs.12408>
- Fernandes, D., Lynch Jr, J. G., & Netemeyer, R. G. (2014). Financial literacy, financial education, and downstream financial behaviors. *Management Science*, 60(8), 1861-1883. <https://doi.org/10.1287/mnsc.2013.1849>
- Gudmunson, C. G., & Danes, S. M. (2011). Family financial socialization: Theory and critical review. *Journal of Family and Economic Issues*, 32(4), 644-667. <https://doi.org/10.1007/s10834-011-9275-y>
- Gutter, M., & Copur, Z. (2011). Financial behaviors and financial well-being of college students: Evidence from a national survey. *Journal of Family and Economic Issues*, 32(4), 699-714. <https://doi.org/10.1007/s10834-011-9255-2>
- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., Anderson, R. E., & Tatham, R. L. (2006). *Multivariate data analysis 6th Edition*.
- Hira, T. K., Sabri, M. F., & Loibl, C. (2013). Financial socialization's impact on investment orientation and household net worth. *International Journal of Consumer Studies*, 37(1), 29-35. <https://doi.org/10.1111/ijcs.12003>
- Huston, S. J. (2012). Financial literacy and the cost of borrowing. *International Journal of Consumer Studies*, 36(5), 566-572. <https://doi.org/10.1111/j.1470-6431.2012.01122.x>
- Liable, D., & Thompson, R. A. (2007). *Early socialization: A relationship perspective*. In J. E. Grusec & P. D. Hastings (Eds.), *Handbook of socialization: Theory and research* (pp. 181-207). New York, London: Guilford Press.
- Lusardi, A., & Mitchell, O. S. (2014). The economic importance of financial literacy: Theory and evidence. *Journal of Economic Literature*, 52(1), 5-44. <https://doi.org/10.1257/jel.52.1.5>
- Lusardi, A., Mitchell, O. S., & Curto, V. (2010). Financial literacy among the young. *Journal of Consumer Affairs*, 44(2), 358-380. <https://doi.org/10.1111/j.1745-6606.2010.01173.x>
- Moschis, G. P. (1985). The role of family communication in consumer socialization of children and adolescents. *Journal of Consumer Research*, 11(4), 898-913. <https://doi.org/10.1086/209025>
- Mugenda, O. M., Hira, T. K., & Fanslow, A. M. (1990). Assessing the causal relationship among communication, money management practices, satisfaction with financial status, and satisfaction with quality of life. *Lifestyles*, 11(4), 343-360. <https://doi.org/10.1007/BF00987345>
- Norvilitis, J. M., & MacLean, M. G. (2010). The role of parents in college students' financial behaviors and attitudes. *Journal of Economic Psychology*, 31(1), 55-63. <https://doi.org/10.1016/j.joep.2009.10.003>
- Otto, A. (2013). Saving in childhood and adolescence: Insights from developmental psychology. *Economics of Education Review*, 33, 8-18. <https://doi.org/10.1016/j.econedurev.2012.09.005>
- Philippas, N. D., & Avdoulas, C. (2020). Financial literacy and financial well-being among generation-Z university students: Evidence from Greece. *The European Journal of Finance*, 26(4-5), 360-381. <https://doi.org/10.1080/1351847X.2019.1701512>
- Prawitz, A. D., Garman, E. T., Sorhaindo, B., Barbara, O., Kim, J. & Drentea, P. (2006). InCharge financial distress/financial well-being scale: Development, administration, and score interpretation. *Journal of Financial Counseling and Planning*, 17(1), 3-50. <https://doi.org/10.1037/t60365-000>
- Thư viện Pháp luật (2020). *Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Quyết-dinh-149-QĐ-TTg-2020-phe-duyet-Chien-luoc-tai-chinh-toan-dien-quoc-gia-den-nam-2025-433504.aspx>
- She, L., Waheed, H., Lim, W. M., & Sahar, E. (2022). Young adults' financial well-being: current insights and future directions. *International Journal of Bank Marketing*, (ahead-of-print). DOI 10.1108/IJBM-04-2022-0147.
- Shim, S., Barber, B. L., Card, N. A., Xiao, J. J., & Serido, J. (2010). Financial socialization of first-year college students: The roles of parents, work, and education. *Journal of Youth and Adolescence*, 39(12), 1457-1470. <https://doi.org/10.1007/s10964-009-9432-x>
- Shim, S., Xiao, J. J., Barber, B. L., & Lyons, A. C. (2009). Pathways to life success: A conceptual model of financial well-being for young adults.

- Journal of Applied Developmental Psychology*, 30(6), 708-723.
<https://doi.org/10.1016/j.appdev.2009.02.003>
- Utkarsh, Pandey, A., Ashta, A., Spiegelman, E., & Sutan, A. (2020). Catch them young: Impact of financial socialization, financial literacy and attitude towards money on financial well-being of young adults. *International Journal of Consumer Studies*, 44(6), 531-541.
<https://doi.org/10.1111/ijcs.12583>
- Tang, N., Baker, A., & Peter, P. C. (2015). Investigating the disconnect between financial knowledge and behavior: The role of parental influence and psychological characteristics in responsible financial behaviors among young adults. *Journal of Consumer Affairs*, 49(2), 376-406. <https://doi.org/10.1111/joca.12069>
- Van Campenhout, G. (2015). Revaluing the role of parents as financial socialization agents in youth financial literacy programs. *Journal of Consumer Affairs*, 49(1), 186-222.
- Van Rooij, M. C., Lusardi, A., & Alessie, R. J. (2012). Financial literacy, retirement planning and household wealth. *The Economic Journal*, 122(560), 449-478.
<https://doi.org/10.1111/joca.12064>
- Von Stumm, S., O’Creevy, M. F., & Furnham, A. (2013). Financial capability, money attitudes and socioeconomic status: Risks for experiencing adverse financial events. *Personality and Individual Differences*, 54(3), 344-349.
<https://doi.org/10.1016/j.paid.2012.09.019>
- VTV. (2016). *Dân di cư tự phát vào Hà Nội tăng đột biến*. <https://vtv.vn/trong-nuoc/dan-di-cu-tu-phat-vao-ha-noi-tang-dot-bien-20161025103054369.htm>
- Webley, P., & Nyhus, E. K. (2013). Economic socialization, saving and assets in European young adults. *Economics of Education Review*, 33, 19-30.
<https://doi.org/10.1016/j.econedurev.2012.09.001>
- Williams, A. J., & Oumlil, B. (2015). College student financial capability: A framework for public policy, research and managerial action for financial exclusion prevention. *International Journal of Bank Marketing*, 33(5), 637-653.
<https://doi.org/10.1108/IJBM-06-2014-0081>
- Yamauchi, K. T., & Templer, D. J. (1982). The development of a money attitude scale. *Journal of Personality Assessment*, 46(5), 522-528.
https://doi.org/10.1207/s15327752jpa4605_14